

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2020/DS-ST

Ngày: 11-12 - 2020

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Phú Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thuỷ

Bà Nguyễn Thị Mùa

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tham gia phiên toà:
Ông Trần Anh Văn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 60/2020/TLST- DS ngày 16 tháng 7 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2020/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên toà số 62/QĐST-DS Ngày 26 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Trần Thị Phương A, sinh năm 1960; Địa chỉ: Thôn KK, xã PN, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước(*có mặt*).

Bị đơn: Ông Điều B, sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn KK, xã PN, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước(*vắng mặt không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 7 năm 2020 và lời khai trong quá trình thu thập chứng cứ, bà Trần Thị Phương A trình bày:

Do quen biết nên vào ngày 12 tháng 11 năm 2018 , bà A có cho ông Điều B vay tổng số tiền gốc là 29.000.000 đồng và có làm biên nhận. Hai bên thỏa thuận lãi suất miệng là 1,2%/tháng/01triệu đồng. Thời hạn vay đến 30 tháng 5 năm 2019 sẽ trả cả gốc và lãi suất, mục đích vay là để chữa bệnh cho con và không có thể chấp tài sản. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, ông Điều B vẫn chưa trả cho bà A một khoản tiền gốc và lãi nào mặc dù bà A đã đi đòi nhiều lần. Nay tại Toà, bà A

yêu cầu Tòa án buộc ông Điều B phải có trách nhiệm trả cho bà A số tiền gốc đã vay là 29.000.000 đồng và lãi suất 12%/ năm kể từ ngày 12 tháng 11 năm 2018 cho đến khi giải quyết xong vụ án và không yêu cầu vợ ông B là bà Thị Phương phải liên đới trả nợ.

Bị đơn ông Điều B vắng mặt trong suốt quá trình thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa và không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

Ý kiến Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Phương A do bà A rút một phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất. Buộc Ông Điều B phải có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Phương A số tiền là gốc là 29.000.000 đồng. Đình chỉ phần yêu cầu tính lãi của bà A.

Các vấn đề khác giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Xác định đây là vụ án dân sự về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” do nguyên đơn bà Trần Thị Phương A thực hiện quyền khởi kiện. Bị đơn ông Điều B có địa chỉ cư trú tại thôn KK, xã PN, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thủ tục giải quyết vắng mặt:

Bị đơn ông Điều B đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần theo quy định tại Điều 177 nhưng ông Điều B vẫn vắng mặt, việc ông Điều B vắng mặt mà không có lý do là đương nhiên từ chối quyền và lợi ích hợp pháp của

mình. Vì vậy, căn cứ vào Điều 227; 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2]. Phân tích nội dung và yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Về tiền nợ gốc:

Mặc dù trong quá trình thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa, bị đơn ông Điều B vắng mặt. Tuy nhiên căn cứ vào giấy vay tiền ngày 12 tháng 11 năm 2018 được xác lập giữa bà Trần Thị Phương A và ông Điều B đồng ký tên thì việc giao kết hợp đồng giữa các đương sự là có thật trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo các nguyên tắc và điều kiện của giao dịch hợp đồng dân sự quy định tại các Điều 385, 401, 463 của Bộ luật dân sự và có hiệu lực kể từ thời điểm giao kết. Tuy nhiên, khi đến hạn trả nợ, ông Điều B không thực hiện trả nợ gốc và lãi suất như đã thỏa thuận mặc dù bà Trần Thị Phương A đã đi đòi nhiều lần nhưng ông Điều B vẫn dậm dề không trả. Cho nên, tại phiên tòa bà Trần Thị Phương A yêu cầu ông Điều B có nghĩa vụ trả cho bà số tiền gốc đã vay là 29.000.000 đồng là hoàn toàn có cơ sở và phù hợp với pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

[2.2] Về lãi suất:

Đối với yêu cầu tính tiền lãi suất theo mức lãi suất 12 % /năm tính từ ngày vay 12 tháng 11 năm 2018 của nguyên đơn cho đến khi giải quyết xong vụ án. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà A rút phần yêu cầu tính lãi. Xét thấy, việc rút yêu cầu này của bà A trên tinh thần tự nguyện nên được HĐXX chấp nhận nên cần đình chỉ phần yêu cầu này của bà A.

[2.3] Về liên đới trả nợ:

Căn cứ vào giấy vay tiền ngày 12 tháng 11 năm 2018 được xác lập giữa bà A và ông B thì mục đích ông B vay tiền nhằm mục đích chữa bệnh cho con. Cho nên, cần đưa vợ ông B là bà Thị Phương vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan để buộc bà Thị Phương cùng ông B liên đới trả nợ cho bà A. Tuy nhiên, sau khi thụ lý vụ án và thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa, bà A cho rằng lúc ông B vay tiền không có mặt bà Thị Phương, cho nên bà chỉ yêu cầu một mình ông B mà không yêu cầu bà Thị Phương cùng A đới trả nợ. Mặc dù, Toà án đã giải thích cho bà A biết về quyền yêu cầu nhưng bà A vẫn giữ nguyên quan điểm của mình. Xét thấy, đây là thiện chí của bà A trên tinh thần tự nguyện nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông B phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 385, 401, 463, 466, 217 của Bộ Luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Phương A về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

2. Tuyên xử:

Buộc ông Điều B có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Phương A số gốc đã vay là 29.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền phải trả cho người thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm, nếu không thỏa thuận được thì theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đình chỉ việc giải quyết vụ án về phần lãi suất do bà Trần Thị Phương A rút yêu cầu.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Điều B phải nộp là 1.450.000 đồng.

Trả lại số tiền tạm ứng án phí 725.000 đồng cho bà Trần Thị Phương A đã nộp theo biên lai thu số 0019346 ngày 16 tháng 7 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận

- TAND, VKSND tỉnh BP;
- VKSND huyện Bù Gia Mập;
- Chi cục THADS huyện Bù Gia Mập;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-chủ tọa phiên tòa

